|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 26/TBSB-BVTV | *Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2018* |

**­­­­­**

**THÔNG BÁO**

**TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY**

**TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 22/6/2018 đến ngày 28/6/2018*)

**Phần thứ 1**

TÌNH HÌNH SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

**1. Các tỉnh Bắc bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây lúa |  |  |
| - Mạ mùa sớm | 2 -5 lá, tuổi cấy | 11.247 |
| Lúa mùa |  | 82.696 |
| - Lúa mùa cực sớm – sớm | Cấy, hồi xanh - đẻ nhánh |  |
| - Lúa nương, lúa 1 vụ | Đẻ rộ, cuối đẻ - đứng cái |  |
| - Hoa | Phát triển thân lá – nụ, hoa | 3.040 |
| - Cam, quýt, bưởi | Phát triển quả - thu hoạch | 50.112 |
| - Nhãn, vải | Phát triển quả - thu hoạch | 74.805 |
| - Na | Hoa – quả non | 7.332 |
| - Chè | Phát triển búp – thu hái | 92.500 |
| - Mía | Đẻ nhánh - vươn lóng | 14.532 |
| - Sắn | Cây con - PTTL | 76.821 |
| - Cà phê | Phát triển quả | 23.798 |
| - Cao su | Thu hoạch nhựa | 18.461 |

**2. Các tỉnh Bắc Trung bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Lúa Hè Thu |  | 234.065,66 |
| *Mạ; Gieo sạ* | Mũi chông - 3 lá – BRHX - ĐN rộ |  |
| - Ngô | Cây con | 20.899,4 |
| - Lạc | Cây con | 5.758,8 |
| - Rau các loại | Cây con - PT thân lá - TH | 21.827,6 |
| - Cam, chanh, bưởi | Phát triển quả | 22.103 |
| - Mía | Đẻ nhánh - Vươn lóng | 52.453 |
| - Dứa | KTCB - KD - TH | 1.671 |
| - Hồ tiêu | PT quả | 3.671 |
| - Cà phê | PT quả | 6.103 |
| - Cao su | KTCB - KD | 75.257 |
| - Chè | KTCB - KD | 11.538 |
| - Sắn | Mới trồng - PT thân lá, củ | 51.741 |

**3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây lúa: |  | 289.969 |
| *Lúa Xuân Hè* | Ngậm sữa - chắc xanh | 11.985 |
| *Lúa Hè Thu sớm* | Đẻ nhánh - làm đòng | 44.427,5 |
| *Lúa Hè Thu CV* | Đẻ nhánh - đứng cái | 82.474,7 |
| *Lúa Hè Thu muộn* | Mạ - đẻ nhánh | 74.115,1 |
| *Lúa mùa sớm* | Đẻ nhánh - làm đòng | 6.134,2 |
| *Lúa mùa CV* | Đẻ nhánh - đứng cái | 26.501 |
| *Lúa mùa muộn* | Mạ - đẻ nhánh | 44.331 |
| - Cây rau | Nhiều giai đoạn | 34.223,3 |
| - Đậu đỗ Hè Thu | Phân cành - ra hoa - quả non | 44.952,4 |
| - Ngô Hè Thu | PTTL-loa kèn | 123.493,2 |
| - Lạc Hè Thu | Phân cành - ra hoa - đâm tia | 9.587,4 |
| - Cà phê | Quả non-phình to quả | 603.788 |
| - Mía | Đâm chồi-phân lóng | 101.967 |
| - Hồ tiêu | Ra hoa-quả non | 94.368 |
| - Cây điều | Chăm sóc-ra lá non | 113.517 |
| - Sắn | Cây con -PTTL-nuôi củ | 162.528,4 |
| - Thanh Long | Ra hoa - trái chín | 27.258 |
| - Sầu riêng | Nuôi trái-thu hoạch | 9.021 |
| - Chè | Búp non-thu hoạch | 21.863 |
| - Dừa | Nhiều giai đoạn | 10.998 |

**4. Các tỉnh Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| * Lúa Hè Thu 2018 |  | **1.628.236** |
|  | Mạ | 128.075 |
|  | Đẻ nhánh | 485.501 |
|  | Đòng-trỗ | 459.061 |
|  | Chín | 288.285 |
|  | Thu hoạch | 267.314 |
| - Lúa Thu Đông 2018 | Mạ - Đẻ nhánh | 127.294 |
| - Cây ngô | Cây con - PT thân lá | 32.495 |
| - Cây có múi | Nuôi quả - thu hoạch | 103.866 |
| - Cây thanh long | Ra hoa - thu hoạch | 17.206 |
| - Cây nhãn | Ra cơi, ra đọt | 32.370 |
| - Cây cà phê | Ra hoa – PT quả | 38.500 |
| - Cây hồ tiêu | PT quả – thu hoạch | 45.475 |
| - Cây điều | Sau thu hoạch | 184.592 |
| - Cây dừa | PT quả – thu hoạch | 146.516 |
| - Cây sắn | Phát triển – thu hoạch | 48.132 |
| - Cây mía | Đẻ nhánh – vươn lóng | 35.295 |

**Phần thứ 2**

**SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG**

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI VÀ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN**

**1. Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

**1.1. Cây lúa**

***- Rầy hại lúa****:* Diện tích nhiễm 6.859 ha (tăng 342 ha so với kỳ trước, giảm 34.580 ha so với CKNT), nhiễm nặng 207 ha, phòng trừ 2.138 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam, Bắc Trung bộ.

***- Bệnh VL, LXL***: Diện tích nhiễm 2.512,6 ha (giảm 423,8 ha so với kỳ trước, giảm 2.041,4 ha so với CKNT), nhiễm nặng 337 ha. Phân bố tại các tỉnh Bạc Liêu, Hậu Giang, Kiên Giang.

***- Bệnh đạo ôn***

*+ Bệnh đạo ôn hại lá:* Diện tích nhiễm 23.444 ha (tăng 4.455 ha so với kỳ trước, giảm 12.593 ha so với CKNT), nhiễm nặng 194 ha. Phân bố chủ yếu tại các phía Nam.

*+ Bệnh đạo ôn cổ bông:* Diện tích nhiễm 1.059 ha (tăng 134 ha so với kỳ trước, giảm 87 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

***- Bệnh lùn sọc đen:*** Diện tích nhiễm 50 ha (tăng 50 ha so với kỳ trước, tăng 50 ha so với CKNT) tại tỉnh Nghệ An.

***- Sâu cuốn lá nhỏ:*** Diện tích nhiễm 10.587 ha (tăng 2.420 ha so với kỳ trước, giảm 6.938 ha so với CKNT). Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 8.199 ha (tăng 4.764 ha so với kỳ trước, tăng 1.499 ha so với CKNT), nặng 170 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Tiền Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, An Giang ...

***- Bệnh khô vằn***: Diện tích nhiễm 4.128 ha (tăng 3.039 ha so với kỳ trước, tăng 2.839 ha so với CKNT). Phân bố tập trung tại các tỉnh phía Nam.

***- Bệnh đen lép hạt:*** Diện tích nhiễm 5.305 ha (giảm 473 ha so với kỳ trước, giảm 9.661 ha so với CKNT), nhiễm nặng 335 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

***- Chuột****:* Diện tích hại 2.308 ha (tăng 500 ha so với kỳ trước, giảm 1.699 ha so với CKNT). Các tỉnh phía Nam.

***- Ốc bươu vàng****:* Diện tích hại 9.242 ha (tăng 3.240 ha so với kỳ trước, giảm 646 ha so với CKNT), nhiễm nặng 528 ha, phòng trừ 7.501 ha. Phân bố trên cả nước.

Các đối tượng sinh vật khác gây hại nhẹ như: Vàng lá sinh lý (1.467 ha), Bọ trĩ (2.535 ha), tuyến trùng (215 ha), nhện gié (53 ha), châu chấu (05 ha)…

**1.2. Các loại rau, màu:** Bệnh sưng rễ, bệnh xoăn lá cà chua; sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy, dòi đục lá, bệnh thán thư, bệnh thối nhũn… gây hại nhẹ đến trung bình, hại nặng cục bộ một số diện tích.

**1.3. Cây nhãn, vải*:***

- Bệnh chổi rồng nhãn: nhiễm 5.360 ha (giảm 13 ha so kỳ trước, giảm 745 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.402 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

**1.4. Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu diện tích nhiễm 2.142 ha (tăng 459 ha so kỳ trước, giảm 3.469 so với cùng kỳ năm trước), nhiễm nặng 04 ha, phòng trừ 1.511 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai.

**1.5. Cây ăn quả có múi:** Bệnh Greening nhiễm 2.611 ha (giảm 10 ha so với kỳ trước, giảm 262 ha so với CKNT), nặng 81 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Đồng Nai, Kiên Giang, Bình Phước.

**1.6. Cây dừa:** Bọ cánh cứng hại diện tích 7.374 ha (giảm 2.285 ha so với kỳ trước, giảm 8.769 ha so với CKNT), nặng 753 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Cà Mau, Bến Tre, Tiền Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Tp. Hồ Chí Minh.

**1.7. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng rễ***: Diện tích nhiễm 6.541 ha (tăng 255 ha so với kỳ trước, tăng 716 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.873 ha. Tập trung tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Kiên Giang, Đồng Nai, Bình Dương…

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 7.326 ha (tăng 483 ha so với kỳ trước, tăng 2.573 ha so CKNT), nhiễm nặng 2.385 ha, phòng trừ 1.476 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Bình Phước, Đồng Nai, Kiên Giang…

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 2.455 ha (tăng 13 ha so với kỳ trước, tăng 1.548 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.100 ha, mất trắng 132 ha, phòng trừ 1.498 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Đồng Nai, Bình Phước, Kiên Giang...

**1.8. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành:*** Diện tích nhiễm 9.838 ha (tăng 316 ha so với kỳ trước, giảm 3.921 ha so CKNT), nhiễm nặng 71 ha, phòng trừ 10.930 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai...

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 7.394 ha (giảm 194 ha so với kỳ trước, giảm 6.754 ha so CKNT), phòng trừ 3.006 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai...

***- Rệp sáp:*** Diện tích nhiễm 7.073 ha (giảm 193 ha so với kỳ trước, giảm 3.509 ha so CKNT), nhiễm nặng 18 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai...

**1.9. Cây điều**

***- Bọ xít muỗi***: Diện tích nhiễm 37.021 ha (giảm 302 ha so với kỳ trước, tăng 27.576 ha so với CKNT), nhiễm nặng 90 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Phước, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Thuận, Đắk Lắk, Gia Lai...

***- Bệnh thán thư***: Diện tích nhiễm 20.936 ha (tăng 1.688 ha so với kỳ trước, tăng 7.689 ha so với CKNT), nặng 1.019 ha. Tập trung tại Bình Phước, Lâm Đồng, Đồng Nai, Đắk Lắk, Bình Dương...

**1.10. Cây sắn (mì):** Bệnh khảm lá virus, diện tích nhiễm 29.160 ha (tăng 12.583 ha so với kỳ trước, tăng 28.967 ha so với CKNT), nặng 5.642 ha, mất trắng 143,2 ha. Bệnh xuất hiện gây hại tại các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai.

**1.11. Châu chấu tre**

**- Tre, luồng, vầu:** Diện tích nhiễm 457,5 ha(tăng 17 ha so với kỳ trước, giảm 756,8 ha so với CKNT). Chấu chấu tre xuất hiện và gây hại tại các tỉnh Bắc Kạn, Điện Biên, Sơn La, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Cao Bằng, Lai Châu.

**2. Các chủ trương, biện pháp đã triển khai, thực hiện**

- Tổ chức các đoàn cán bộ kiểm tra công tác phòng chống sinh vật gây hại cây trồng trên lúa, cây an quả,…; kiểm tra công tác phòng chống bệnh khảm lá trên sắn.

- Chỉ đạo các tỉnh phía Bắc thực hiện tốt công văn số 3840/BNN-BVTV ngày 21/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phòng chống bệnh lùn sọc đen hại lúa vụ Hè Thu, Mùa năm 2018. Tiếp tục lấy mẫu rầy lưng trắng tại các tỉnh Bắc Trung bộ phân tích kiểm tra tỷ lệ nhiễm virus gây bệnh lùn sọc đen.

- Chỉ đạo các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc tăng cường kiểm tra, phát hiện và chủ động phòng chống châu chấu tre theo công văn số 966/BVTV-TV ngày 12/4/2018 của Cục Bảo vệ thực vật.

- Các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam bộ theo dõi diễn biến thời tiết, hướng dẫn nông dân phòng chống kịp thời các đối tượng: bọ xít muỗi, bệnh thán thư trên cây điều; bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt và rệp sáp hại trên cà phê; bệnh nứt thân xì mủ trên cây sầu riêng...

- Các tỉnh đồng bằng phía Nam tăng cường theo dõi diễn biến của rầy nâu vào đèn, xác định cao điểm rầy nâu di trú để chỉ đạo xuống giống vụ Hè Thu “né rầy” hiệu quả. Lấy mẫu rầy nâu kiểm tra xác định tỷ lệ nhiễm virus VL, LXL phục vụ công tác chỉ đạo. Thực hiện tốt văn bản số 4239/BNN-BVTV, ngày 04/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường phòng chống rầy nâu, bệnh VL,LXL hại lúa.

- Chỉ đạo các địa phương chủ động phòng chống bệnh đốm nâu hại thanh long; bệnh chổi rồng hại nhãn, bệnh chết nhanh, chết chậm hại hồ tiêu, bệnh khô cành trên cây cà phê; bọ cánh cứng hại dừa, bệnh trắng lá mía…

- Các tỉnh trồng sắn: tiếp tổ chức rà soát và gửi báo cáo về việc phòng trừ bệnh khảm lá sắn theo hướng dẫn của công văn số 1465/BVTV-TV ngày 06/6/2018 của Cục Bảo vệ thực vật.

**II. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG**

**1. Trên lúa**

**1.1. Các tỉnh phía Bắc**

- Sâu đục thân 2 chấm: Trứng tiếp tục nở, sâu non gây hại dảnh héo trên mạ và lúa Mùa cực sớm - sớm.

**-** Rầy nâu, rầy lưng trắng, rầy nâu nhỏ: Tiếp tục hại diện hẹp trên mạ Mùa và lúa Mùa cực sớm – sớm, lúa sạ.

- Bệnh đạo ôn lá, sâu cuốn lá nhỏ, ốc bươu vàng, sâu năn, ruồi, chuột … tiếp tục gây hại.

**1.2. Các tỉnh Bắc Trung Bộ**

Các đối tượng sinh vật gây hại như: chuột, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ... tiếp tục phát sinh gây hại, xu hướng tăng trên lúa mới gieo sạ đến đẻ nhánh.

- Bệnh lùn sọc đen: Phát sinh gây hại tăng trên lúa Hè Thu và lúa Mùa tại Nghệ An và có khả năng phát sinh tại các tỉnh có rầy lưng trắng nhiễm virus gây bệnh lùn sọc đen của Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị.

**1.3. Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

- Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đen lép hạt, bệnh khô vằn... gây hại nhẹ trên lúa Xuân Hè ở giai đoạn đòng trỗ đến vào chắc.

- Sâu CLN, sâu đục thân, rầy nâu, rầy lưng trắng, bện khô vằn... phát sinh gây hại nhẹ trên lúa Hè Thu ở giai đoạn lúa đứng cái đến làm đòng.

- Bọ trĩ, sâu keo, dòi đục nõn...tiếp tục phát sinh gây hại trên lúa Hè Thu muộn.

- Bệnh đạo ôn lá phát sinh hại nhẹ rải rác trên lúa Hè Thu và lúa Mùa ở Tây Nguyên và huyện miền núi đồng bằng.

- Chuột: Hại cục bộ trên lúa Hè Thu giai đoạn đẻ nhánh đến làm đòng, tập trung vùng ven làng, đồi gò.

- OBV: Phân bố chủ yếu ở vùng trũng thấp, kênh mương, các khu ruộng đã gieo sạ lúa Xuân Hè và lúa Hè Thu.

**1.4. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long**

- Rầy nâu: phổ biến trưởng thành mang trứng và tuổi 1, gây hại chủ yếu ở mức nhẹ đến trung bình, cục bộ gây hại nặng trên một số diện tích lúa đang ở giai đọan đẻ nhánh đến làm đòng.

Các địa phương có gieo sạ Thu Đông 2018 cần tích cực chuẩn bị đất, để xuống giống né rầy trong đợt tuần cuối tháng 6, đầu tháng 7/2018 nhằm hạn chế rầy nâu di trú truyền virus bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá cho cây lúa non.

- Bệnh đạo ôn: tiếp tục phát triển thuận lợi trên trà lúa ở giai đoạn đẻ nhánh đến đòng trỗ. Khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, theo dõi thời tiết để chủ động phòng trừ bệnh đạo ôn lá và bệnh đạo ôn cổ bông.

- Bệnh bạc lá: có khả năng phát triển trên các trà lúa ở giai đọan cuối đẻ nhánh đến trỗ, nhất là trong điều kiện thời tiết có nhiều mưa giông, trên những diện tích lúa quá tốt do thừa đạm hoặc khuất tán cây gần vườn; chú ý nhất là giống nhiễm như OM4900, OM7347, Jasmine, VD20, OC10, OM6976....

Ngoài ra, cũng cần lưu ý OBV gây hại trên lúa ở giai đoạn mạ; bệnh đen lép hạt, chuột ở giai đoạn trỗ đến chín.. Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại thấp.

**2. Trên cây trồng khác**

- Cây rau màu: Bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bệnh thối nhũn, dòi đục lá... tiếp tục gây hại; sâu ăn lá, bệnh gỉ sắt,… tiếp tục hại trên ngô; bệnh xoăn lá cà chua tiếp tục gây hại.

- Cây nhãn: bệnh chổi rồng nhãn tiếp tục gây hại.

- Cây thanh long: bệnh đốm nâu, ốc sên tiếp tục gây hại.

- Cây có múi: Bệnh greening tiếp tục gây hại.

- Cây hồ tiêu: tuyến trùng hại rễ và bệnh chết nhanh, chết chậm tiếp tục gây hại.

- Cây điều: diện tích nhiễm bọ xít muỗi và bệnh thán thư tiếp tục gây hại.

- Cây dừa: diện tích nhiễm bọ cánh cứng và bọ vòi voi tiếp tục gây hại.

- Cây cà phê: Bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt tiếp tục gây hại.

- Cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại.

- Cây mía: bệnh trắng lá, nhện đỏ tiếp tục gây hại.

**Phần thứ 3**

**ĐỀ NGHỊ**

**1. Các tỉnh phía Bắc**

- Các địa phương tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 9556/CT-BNN-BVTV ngày 15/11/2017 và văn bản số 3840/BNN-BVTV ngày 21/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng trừ bệnh lùn sọc đen hại lúa; công văn số 1317/BVTV-TV ngày 24/5/2018 về việc ban hành quy trình kỹ thuật quản lý bệnh lùn sọc đen hại lúa. Tiếp tục theo dõi rầy lưng trắng vào đèn; lấy mẫu giám định tỷ lệ nhiễm vius gây bệnh lùn sọc đen để chủ động chỉ đạo các biện pháp phòng chống. Xây dựng kế hoạch chủ động phòng chống bệnh trong vụ Hè Thu và Mùa 2018.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu đục thân 2 chấm trên mạ, lúa Mùa sớm và tổ chức phòng trừ cho những diện tích lúa có mật độ sâu cao; theo dõi các đối tượng: ốc bươu vàng, chuột, bọ trĩ, rầy nâu, rầy lưng trắng... đặc biệt là rầy lưng trắng phát sinh gây hại trên mạ, lúa Mùa và lúa Hè Thu để có biện pháp quản lý kịp thời. Tổ chức xử lý kịp thời khi có mật độ sâu, tỷ lệ bệnh cao.

- Thực hiện tốt công văn số 1857/BVTV-TV ngày 15/8/2017 và công văn số 3228/BNN-BVTV ngày 05/10/2010 về việc hướng dẫn một số biện pháp cơ bản phòng trừ bệnh lùn sọc đen hại ngô.

- Các tỉnh miền núi phía Bắc tăng cường điều tra theo dõi và chủ động phòng chống châu chấu tre hại cây trồng theo công văn số 547/BVTV-TV ngày 01/3/2018 và số 966/BVTV-TV ngày 12/4/2018.

- Tiếp tục theo dõi diễn biến của các đối tượng sinh vật gây hại chính trên các cây rau màu, cây ăn quả, cây lâm nghiệp, xử lý khi mật độ sâu và tỷ lệ bệnh cao.

**2. Các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

- Chú ý các đối tượng Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh khô vằn, bệnh đen lép hạt... ở giai đoạn đòng trỗ đến vào chắc.

- Bọ trĩ, sâu keo, sâu CLN, sâu đục thân, tuyến trùng, bệnh đạo ôn lá... trên lúa Hè Thu ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh và đòng.

- Duy trì công tác diệt chuột, OBV ở các địa phương.

- Theo dõi bệnh thối củ hại khoai sáp tại tỉnh Khánh Hòa và bệnh khảm lá đậu xanh ở Gia Lai.

- Theo dõi rệp, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt... trên cà phê ở giai đoạn quả non - nuôi quả; bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng... trên cây hồ tiêu ở giai đoạn ra hoa - quả non; Bọ xít muỗi, bệnh thán thư, bệnh khô cành... hại trên cây điều ở giai đoạn chăm sóc - ra lá non; Bệnh đốm nâu, nám vàng cành... hại trên cây thanh long ở giai đoạn ra hoa - chín; bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư... hại trên cây sầu riêng ở giai đoạn đậu trái - thu hoạch.

- Chỉ đạo hướng dẫn nông dân xử lý triệt để rệp sáp bột hồng ở Phú Yên, bệnh trắng lá mía ở Gia Lai, Khánh Hòa, Ninh Thuận theo quy trình của Cục BVTV ban hành, tránh để lây lan diện rộng.

- Chỉ đạo phòng trừ kịp thời các sinh vật gây hại có mật số và tỷ lệ hại cao, hạn chế lây lan.

**3. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long**

- Theo dõi diễn biến các đối tượng sinh vật gây hại trên lúa Hè Thu để có biện pháp chỉ đạo kịp thời. Kiểm tra tỉ lệ rầy nâu vào đèn mang mầm bệnh VL-LXL ở các địa phương để chủ động trong công tác phòng chống và để chuẩn bị gieo sạ lúa Thu Đông. Thực hiện tốt văn bản số 4239/BNN-BVTV, ngày 04/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường phòng chống rầy nâu, bệnh VL,LXL hại lúa.

- Bệnh khảm lá tiếp tục lây lan cho cây sắn vụ Hè thu 2018 tại các vùng sản xuất. Chi cục BVTV các tỉnh Đông Nam Bộ cần quản lý sát nguồn bệnh, điều tra phát hiện những diện tích mới nhiễm bệnh, khoanh vùng xử lý bọ phấn và tiêu hủy nguồn bệnh theo đúng quy định theo hướng dẫn của văn bản số 4142/BNN-BVTV ngày 31/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Quy trình kỹ thuật phòng trừ bệnh khảm lá sắn của Cục Bảo vệ thực vật.

- Bệnh chết nhanh, chết chậm trên hồ tiêu, bệnh phấn trắng trên cao su; bệnh đốm nâu trên cây thanh long, bệnh chổi rồng nhãn, bệnh *Phytopthora* trên cây sầu riêng… tiếp tục phát sinh phát triển. Cần tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo qui trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ hại/bệnh trong thời gian tới.

- Tiếp tục theo dõi diễn biến thời tiết và tình hình SVGH trên cây lúa và các cây trồng khác để có biện pháp quản lý phù hợp.

Ngoài ra, các Trung tâm BVTV vùng tiếp tục nhân nuôi OKS bọ dừa và bọ đuôi kìm cung cấp cho các tỉnh. Các tỉnh trong cả nước thực hiện tốt các văn bản: số 315/BVTV-TV ngày 03/3/2017 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong điều kiện biến đổi khí hậu và văn bản số 2455/BVTV-TV ngày 19/10/2017 về việc tăng cường phòng trừ chuột bảo vệ mùa màng./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Cục BVTV;  - Phòng KH, HTQT&TT (đưa website Cục);  - Trung tâm BVTV vùng;  - Trung tâm tin học thống kê của Bộ;  - Báo NNVN; Đài VTC16;  - Lưu: VT, BVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Quý Dương** | | 369**KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Quý Dương** |

**DIỆN TÍCH NHIỄM DỊCH HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 22/6/2018 đến ngày 28/6/2018*)

| **TT** | **Tên dịch hại** | **Diện tích nhiễm (ha)** | | | | **DTN nhiễm so** | | **Diện tích phòng trừ (ha)** | **Phân bố tập trung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| 1 | Đạo ôn lá hại lúa | 23.444 | 23.250 | 194 |  | 4.455 | -12.593 |  | LA, BL, ST, ĐT, TV, AG, ĐN |
| 2 | Đạo ôn cổ bông hại lúa | 1.059 | 1.059 |  |  | 134 | -87 |  | HG, AG, ĐT, VL, TG, TV |
| 3 | Rầy hại lúa | 6.859 | 6.652 | 207 |  | 342 | -34.580 | 2.138 | Các tỉnh phía Nam, Bắc Trung Bộ |
| 4 | Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa | 10.587 | 10.587 |  |  | 2.420 | -6.938 | 144 | ST, BL, AG, KG, HG, ĐT, LA |
| 5 | Bệnh bạc lá lúa | 8.199 | 8.029 | 170 |  | 4.764 | 1.499 |  | BL, ĐT, LA, CT, AG, ĐN, HG |
| 6 | Bệnh VL-LXL | 2.512,6 | 2.175,6 | 337 |  | -423,8 | -2.041,4 |  | BL, HG, KG |
| 7 | Bệnh lùn sọc đen | 50 | 50 |  |  | 50 | 50 |  | Nghệ An |
| 8 | Chuột hại lúa | 2.308 | 2.308 |  |  | 500 | -1.699 |  | Các tỉnh phía Nam |
| 9 | Ốc bươu vàng hại lúa | 9.242 | 8.714 | 528 |  | 3.240 | 646 | 7.501 | Cả nước |
| 10 | Bệnh khô vằn hại lúa | 4.128 | 4.128 |  |  | 3.039 | 2.839 |  | Các tỉnh phía Nam |
| 11 | Bệnh đen lép hạt lúa | 5.305 | 4.970 | 335 |  | -473 | -9.661 |  | HG, ĐT, AG, VL, CT, TG, TV |
| 12 | Chổi rồng nhãn | 5.360 | 3.908 | 1.402 |  | -13 | -745 |  | VL, CT, ĐT, ST, BP, TG, BTr ĐN, BR-VT |
| 13 | Bệnh đốm nâu thanh long | 2.142 | 2.138 | 4 |  | 459 | -3.469 | 1.511 | LA, TG, ĐN, BTh |
| 14 | Bệnh Greening cây có múi | 2.611 | 2.530 | 81 |  | -10 | -262 |  | VL, TG, HG, STr, ĐN, KG, BP |
| 15 | Bọ cánh cứng hại dừa | 7.374 | 6.621 | 753 |  | -2.285 | -8.769 |  | CM, BT, TG, KG, BD, HCM |
| 16 | Tuyến trùng hại tiêu | 6.541 | 4.668 | 1.873 |  | 255 | 716 |  | G.Lai, Đ.Lăk, Đ.Nông, BP, ĐN, KG, VT, BD.. |
| 17 | Bệnh chết chậm hại tiêu | 7.326 | 4.941 | 2.385 |  | 483 | 2.573 | 1.476 | KH,GL,ĐL,ĐN,BT,LĐ, BP, ĐN, VT, KG, BD |
| 18 | Bệnh chết nhanh hại tiêu | 2.455 | 1.223 | 1.100 | 132 | 13 | 1.548 | 1.498 | KH, GL, ĐL, ĐN, BT, LĐ, BP, ĐN, VT, KG |
| 19 | Bệnh khô cành cà phê | 9.838 | 9.767 | 71 |  | 316 | -3.921 | 10.930 | G.Lai, Đ.Lăk ,L.Đồng |
| 20 | Bệnh gỉ sắt hại cà phê | 7.394 | 7.394 |  |  | -194 | -6.754 | 3.006 | G.Lai, Đ.Lăk ,L.Đồng |
| 21 | Rệp sáp hại cà phê | 7.073 | 7.055 | 18 |  | -193 | -3.509 |  | G.Lai, Đ.Lăk ,L.Đồng |
| 22 | Bọ xít muỗi hại điều | 37.021 | 36.931 | 90 |  | -302 | 27.576 |  | GL, ĐL, LĐ, B.Thuận, BP, ĐN, BD, VT |
| 23 | Thán thư hại điều | 20936 | 19.917 | 1.019 |  | 1.688 | 7689 |  | Đ.Lắk, L. Đồng, BP, ĐN, VT, BD |
| 24 | Bệnh khảm lá virus sắn (mì) | 29.160 | 23.374,8 | 5.642 | 143,2 | 12.583 | 28.967 |  | TN, BD, BRVT, ĐN |
| 25 | Châu chấu tre | 457,5 | 457,5 |  |  | 17 | -756,8 |  | QN, BK, SL, N.An |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**